TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; HKTT: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1986; HKTT: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 29/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà Nguyễn Thị D) trình bày:***

Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 16/8/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc và có 03 con chung nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T nghiện ma túy, hay đánh vợ, ham chơi không chịu lo đi làm để phụ giúp gia đình làm cho đời sống kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bà D và ông T đã không còn sống chung từ năm 11/2019 cho đến nay, bà D hiện sống tại nhà mẹ ruột tại ấp D, xã Q, huyện C. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà D và ông T có 03 con chung tên Lê Kim U, sinh ngày 12/10/2012; Lê Uyên N, sinh ngày 06/9/2017 và Lê Uyên N2, sinh ngày 24/7/2019. Bà D yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Lý do bà D yêu cầu 03 nuôi con là do bà D có điều kiện chăm sóc con tốt hơn ông T. Bà D đang sống chung với mẹ ruột tại ấp D, xã Q, huyện C nên bà có thể nhờ mẹ trông hộ con trong thời gian bà đi làm; bà D làm công nhân gỗ của công ty YUHONG tại ấp D, xã Q, huyện C với mức thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng -14.000.000 đồng đủ nuôi con; tính chất công việc của bà D là sáng đi chiều về nhà; ông T đang nghiện ma túy nên việc giao con chung cho ông T nuôi dưỡng thì bà D không an tâm; ngoài ra, 03 con chung đang sống chung với bà D và là con gái nên bà D dễ hiểu tâm sinh lý của các cháu tốt hơn ông T.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn (ông Lê Văn T).***

Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập để ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông T không có mặt trong tất cả các buổi làm việc, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 29/6/2022, bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Lê Văn T nên đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà D khởi kiện ông T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển 01/2012 ngày 16/8/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Sau khi đăng ký kết hôn năm 2012 vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T nghiện ma túy, hay đánh vợ, ham chơi không chịu lo đi làm để phụ giúp gia đình làm cho đời sống kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 11/2019 cho đến nay. Vì vậy, bà D làm đơn ly hôn với ông T. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà D thì ông T không có mặt. Xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Tại các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 03/8/2022 của Tòa án, xác định nguyên nhân mâu thuận giữa bà D và ông T là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông T nghiện ma túy và 02 lần gia đình

phải đưa ông T đi cai nghiện, ông T không lo chí thú làm ăn làm cho đời sống kinh tế gia đình khó khăn và vợ chồng hiện tại không còn sống chungvới nhau. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt. Điều này cho thấy bà D và ông T không còn quan tâm chăm sóc nhau và ông T không mong muốn hàn gắn với bà D. Do đó mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[2.3] *Về con chung*: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung tên Lê Kim U, sinh này 12/10/2012, Lê Uyên N, sinh này 06/9/2017 và Lê Uyên N2, sinh này 24/7/2019. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện tại, bà D làm công nhân công ty có mức thu nhập ổn định khoảng 12.000.000 đồng/tháng – 14.000.000 đồng/tháng theo phiếu lương tháng 5,6,7 năm 2022 mà bà D cung cấp. Cháu U, cháu N và cháu N2 là con gái và đang sống với bà D nên cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Cháu U hiện tại đã trên 07 tuổi, việc giao cháu U cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu U. Hơn nữa, ông T đang nghiện ma túy nên giao con chung cho ông T sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của các con. Mặc khác, ông T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà D về việc nuôi dưỡng con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] *Tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Lê Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Kim U, sinh này 12/10/2012, Lê Uyên N, sinh này 06/9/2017 và Lê Uyên N2, sinh này 24/7/2019 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007639 ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Văn Quang Bảo